

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Trung tâm Văn hóa - Thông tin – Thể thao huyện của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Tuy Phước

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 1151/STNMT-CCBVMT ngày 12/4/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Trung tâm Văn hóa – Thông tin – Thể thao huyện;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Trung tâm Văn hóa – Thông tin – Thể thao huyện đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 129/CV-BQL ngày 17/5/2024 của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Tuy Phước;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 618/TTr-STNMT ngày 01/6/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Trung tâm Văn hóa – Thông tin – Thể thao huyện (sau đây gọi là Dự án) của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Tuy Phước (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại thị trấn Tuy Phước, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (đề b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Tuy Phước;
- Chủ dự án;
- UBND thị trấn Tuy Phước;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
TRUNG TÂM VĂN HÓA - THÔNG TIN - THỂ THAO HUYỆN
CỦA BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ
PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT HUYỆN TUY PHƯỚC
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên Dự án: Trung tâm Văn hóa – Thông tin – Thể thao huyện.
- Địa điểm thực hiện: thị trấn Tuy Phước, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.
- Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Tuy Phước.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án

- Phạm vi: xây dựng Trung tâm Văn hóa – Thông tin – Thể thao huyện có diện tích khoảng 13.878,1 m².
- Quy mô gồm:
 - + 01 nhà văn hóa 3 tầng với sức chứa khoảng 700 chỗ ngồi, diện tích xây dựng khoảng 2.782 m².
 - 01 quảng trường diện tích khoảng 4.694,8 m².
- Cơ cấu sử dụng đất:

TT	Thành phần đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
I	Khu nhà văn hóa	9.183,3	66,17
1	Đất xây dựng Nhà văn hóa	2.782	
2	Đất cây xanh	1.836,66	
3	Đất giao thông - hạ tầng kỹ thuật	4.564,64	
-	Đất xây dựng xử lý nước thải	25,20	
-	Đất sân đường nội bộ - bãi đỗ xe - hạ tầng phụ trợ khác	4.539,44	
II	Khu quảng trường	4.694,8	33,83
Tổng cộng		13.878,1	100,00

1.3. Các hạng mục dự án và hoạt động của dự án

1.3.1. Các hạng mục công trình chính:

- San nền với diện tích khoảng 13.878,1 m².

- Xây dựng 01 nhà văn hóa 3 tầng, diện tích xây dựng khoảng 2.782 m² bao gồm các phòng chức năng: 01 hội trường đa năng 500 chỗ ngồi, 01 hội trường 150 chỗ ngồi, 02 phòng chiếu phim mini 50 chỗ ngồi; nhà làm việc đài phát thanh và các phòng chức năng, khu học tập, khối công tác chuyên môn văn hóa - đài phát thanh, khối quản lý hành chính, phòng họp và khu kỹ thuật phụ trợ.

- 01 quảng trường diện tích 4.694,8 m².

1.3.2. Các hạng mục công trình phụ trợ: Xây dựng nhà để xe, sân khấu + khán đài ngoài trời, sân sinh hoạt ngoài trời, bãi xe máy ngoài trời khách, nhà máy phát điện + trạm điện, hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải, cấp nước sinh hoạt và PCCC, cấp điện sinh hoạt và chiếu sáng, cây xanh, tường rào công nghệ, sân đường nội bộ.

1.3.3. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường:

- Hệ thống thu gom, thoát nước thải riêng biệt với hệ thống thu gom và thoát nước mưa.

- 02 bể tự hoại 3 ngăn (mỗi bể có dung tích 3 m³).

- 01 hệ thống xử lý nước thải công suất 30 m³/ngày.đêm dạng hợp khối bằng composite để xử lý nước thải phát sinh từ dự án (19,92 m³/ngày.đêm) và từ Khu trung tâm thể dục thể thao (khoảng 8,5 m³/ngày.đêm) thuộc Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu trung tâm Văn hóa – Thông tin - Thể thao huyện Tuy Phước.

- Tổng diện tích công viên cây xanh khoảng 1.836,66 m².

1.3.4. Các hạng mục, hoạt động không thuộc phạm vi Báo cáo đánh giá tác động môi trường: Hoạt động khai thác vật liệu san nền, vật liệu thi công phục vụ dự án.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa với diện tích khoảng 1,3 ha.

2. Hạng mục dự án và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Hoạt động san lấp mặt bằng: phát sinh bụi, chất thải rắn và khí thải từ các thiết bị thi công, vận chuyển.

- Hoạt động thi công xây dựng tại dự án: Phát sinh nước thải sinh hoạt, nước thải xây dựng, chất thải rắn, chất thải nguy hại, bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung từ các thiết bị thi công.

- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu: Phát sinh bụi, khí thải tác động đến người dân sống dọc tuyến đường vận chuyển, nguy cơ hư hỏng tuyến đường trong quá trình vận chuyển.

- Tác động không liên quan đến chất thải: Tiếng ồn quá trình thi công ảnh hưởng đến người dân xung quanh Dự án.

- Trong giai đoạn vận hành phát sinh: chất thải rắn sinh hoạt, nước thải sinh hoạt.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh với lưu lượng khoảng 2,7 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD, COD) và vi sinh,...

- Nước thải xây dựng từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị thi công phát sinh với lưu lượng khoảng 1,5 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là cặn lơ lửng, đất, cát,...

- Nước mưa chảy tràn trên công trường thi công. Thành phần chủ yếu là đất, cát, chất rắn lơ lửng,...

b) Giai đoạn hoạt động: Nước thải sinh hoạt tại Trung tâm văn hóa – thông tin – thể thao huyện chủ yếu từ hoạt động vệ sinh của người dân đến xem, tham gia các hoạt động vui chơi thể thao và nước thải từ các cán bộ, người lao động tại dự án, phát sinh với tổng lưu lượng khoảng 19,92 m³/ngày.đêm. Thành phần chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD, COD) và vi sinh,...

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải: Bụi từ quá trình đào đắp, san gạt mặt bằng; quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp; quá trình thi công xây dựng; khí thải từ máy móc, thiết bị thi công. Thành phần chủ yếu là bụi, CO_x, NO_x, SO₂, H₂S, VOC,...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Chất thải rắn từ hoạt động thi công các hạng mục công trình phát sinh với khối lượng khoảng 12 – 16 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là bao bì đựng xi măng, xà bần, ni lông.

- Đất bóc phong hóa hữu cơ phạm vi diện tích khu đất xây dựng nhà văn hóa (9.183,3 m²) thải phát sinh với khối lượng khoảng 1.836 m³.

- Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của công nhân phát sinh với khối lượng khoảng 24 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, bao bì ni lông, vỏ trái cây,...

b) Giai đoạn hoạt động: Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh với khối lượng khoảng 210 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, bao bì ni lông, ...

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại: Hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa, thay dầu của các phương tiện thi công phát sinh chất thải nguy hại với khối lượng khoảng 50 kg trong suốt quá trình thi công xây dựng. Thành phần chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang, pin ắc quy thải, các loại dầu mỡ thải, cặn sơn...

3.3. Tiếng ồn và độ rung

Hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp; các máy móc, thiết bị thi công như máy đào, máy đầm, máy ủi; hoạt động san lấp mặt bằng, đường giao thông phát sinh tiếng ồn, ảnh hưởng đến công nhân, người dân sinh sống lân cận khu vực dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển,....

3.4. Các tác động khác

- Hoạt động thi công các hạng mục dự án và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu ảnh hưởng đến người dân sinh sống lân cận khu vực dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển.

- Hoạt động chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa tác động đến sinh kế của người dân.

- Hoạt động tập trung đông công nhân có khả năng làm mất an ninh, trật tự khu vực dự án.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, bụi, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt của công nhân bằng các nhà vệ sinh di động; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, xử lý.

- Nước mưa chảy tràn: tạo các mương thoát nước tạm thời để dẫn dòng đảm bảo thoát nước nhanh, không gây ngập úng cục bộ; dọn đất, cát, rác thải sinh hoạt... rơi vãi sau mỗi ngày làm việc để tránh nước mưa chảy xuống các rãnh thoát nước.

- Nước thải xây dựng: bố trí 01 bể chứa có thể tích 1,5 m³ để thu gom và lắng cặn nước thải trước khi tái sử dụng cho quá trình xây dựng.

b) Giai đoạn hoạt động

- Nước mưa chảy tràn: Nước mưa từ trên mái nhà văn hóa được thu bằng ống nhựa uPVC Ø60 thoát xuống sân đường nội bộ; toàn bộ nước mưa chảy tràn sẽ thoát theo độ dốc địa hình và được thu bằng các hố ga, mương BTXM kích thước 400x600(cm); sau đó thoát ra tuyến cống BTLT D1000 của đường ĐT640 và tuyến cống BTLT D800 của đường quy hoạch N1, thoát về phía Đông dự án bằng 02 cửa xả.

- Nước thải sinh hoạt: Hệ thống thu gom và thoát nước thải được thiết kế đi riêng với hệ thống thu gom và thoát nước mưa. Phương án xử lý nước thải như sau:

+ Giai đoạn đầu: xây dựng 01 hệ thống xử lý nước thải dạng hộp khối bằng composite có công suất 30 m³/ngày.đêm đặt tại khu vực phía Đông Nam dự án. Nước thải sinh hoạt của dự án được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn, sau đó được thu gom bằng tuyến cống thoát nước thải D168, D200 dẫn về hệ thống xử lý nước thải. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B, K=1) được dẫn theo đường ống HDPE D200 xả ra mương đất phía Đông Bắc dự án (Tọa độ điểm xả thải: X: 1.529.686; Y: 599.417, theo hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3⁰).

Quy trình công nghệ xử lý nước thải như sau: Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại 3 ngăn → Bể gom → Ngăn điều hòa → Ngăn thiếu khí → Ngăn sinh học hiếu khí MBBR → Ngăn lắng → Ngăn khử trùng → Nguồn tiếp nhận (mương đất phía Đông Bắc dự án).

+ Về lâu dài: khi hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu vực được xây dựng, khu vực lắp đặt hệ thống xử lý nước thải của dự án sẽ được cải tạo, chuyển đổi thành trạm bơm để bơm dẫn nước thải về hệ thống xử lý nước thải chung của khu vực để xử lý và modul xử lý nước thải sẽ được tháo dỡ.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Thường xuyên phun nước giảm thiểu bụi tại các khu vực phát sinh bụi với tần suất 02 lần/ngày và tăng cường vào mùa nắng.

- Tất cả các xe vận tải đạt tiêu chuẩn quy định về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường; được phủ bạt, thùng xe kín; chở đúng tải trọng và tốc độ quy định.

- Thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công.

- Tại khu vực tập kết nguyên vật liệu: che chắn các bãi tập kết vật liệu, bố trí ở cuối hướng gió và hạn chế chiều cao lưu chứa dưới 2m.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân.

4.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt: bố trí các thùng thu gom rác có nắp đậy kín tại khu vực lán trại. Định kỳ hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn xây dựng:

+ Thu gom toàn bộ khối lượng đất cát, chất thải thực bì, cây cỏ phát sinh từ hoạt động dọn dẹp mặt bằng xử lý theo quy định.

+ Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động bóc phong hóa khoảng 1.836 m^3 được tận dụng hoàn toàn và đổ tại vị trí cây xanh của dự án với diện tích khoảng $1.836,66 \text{ m}^2$.

b) Giai đoạn hoạt động

- Bố trí các thùng rác có dung tích 30 - 45 lít, có nắp đậy tại các khu vực như nhà vệ sinh, hội trường, ... bên trong Nhà văn hóa.

- Bố trí các thùng rác có dung tích 240 lít, có nắp đậy để thu gom chất thải rắn phát sinh khu vực quảng trường, sân đường nội bộ.

- Đội vệ sinh chịu trách nhiệm làm vệ sinh, quét dọn thu gom rác thường xuyên đảm bảo cảnh quan môi trường và đưa đi xử lý theo đúng quy định.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Giai đoạn thi công, xây dựng: bố trí các thùng chứa chất thải nguy hại tại khu vực lán trại, có dán nhãn nhận biết theo quy định. Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Giai đoạn hoạt động: bố trí các thùng chứa chất thải nguy hại tại khu kho chứa có diện tích 10 m^2 , có dán nhãn nhận biết theo quy định. Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom vận chuyển, xử lý theo quy định.

4.3. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung

- Sử dụng các thiết bị công được đăng kiểm, hạn chế sử dụng nhiều thiết bị phát sinh tiếng ồn lớn cùng một thời điểm; thường xuyên bảo dưỡng và sửa chữa kịp thời máy móc, thiết bị hư hỏng.

- Giảm tần suất hoạt động của các thiết bị, phương tiện vận tải vào các giờ nghỉ trưa và ban đêm. Không hoạt động các thiết bị gây tiếng ồn lớn vào thời gian từ 18h00 - 06h00 sáng ngày hôm sau.

4.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác bồi thường, GPMB, ổn định sinh kế theo quy định cho các hộ dân chịu tác động do hoạt động chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Dự án chỉ được phép triển khai sau khi hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định.

4.5. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

4.5.1. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố kỹ thuật: Tuân thủ đúng theo phương án thiết kế kỹ thuật và thiết kế đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; kiểm tra và nghiệm thu các công trình và khắc phục ngay khi phát hiện sự cố.

4.5.2. Biện pháp giảm thiểu tác động tới hoạt động giao thông

- Xây dựng phương án tổ chức thi công, phân luồng giao thông đảm bảo trong quá trình thi công.

- Lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn và thông báo về hoạt động thi công của dự án để người tham gia giao thông và người dân xung quanh được biết.

4.5.3. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động: Xây dựng nội quy làm việc tại công trường và tuyên truyền, phổ biến cho công nhân, đặc biệt là biện pháp bảo đảm an toàn thi công trong mùa mưa lũ; tuân thủ tuyệt đối các nội quy về an toàn lao động và thường xuyên kiểm tra công tác bảo hộ lao động tại công trường.

4.5.4. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố ngập úng: Thi công hoàn thành các hạng mục đắp đất nền trước mùa mưa; thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, thông tắc các cống rãnh thoát nước xung quanh công trường thi công đảm bảo không gây ứ đọng, ngập úng.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng

5.1. Giám sát không khí xung quanh

- Vị trí giám sát:

+ KK1: tại vị trí khu vực dự án giáp đường ĐT 640, tọa độ (X = 1.529.666; Y = 599.373, hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3⁰).

+ KK2: tại vị trí khu vực phía Tây dự án giáp đường vành đai Tây Bắc, tọa độ (X = 1.529.536; Y = 599.354, hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3⁰).

- Thông số giám sát: Bụi lơ lửng, tiếng ồn.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

5.2. Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

- Thường xuyên theo dõi, giám sát thành phần, số lượng của chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại phát sinh.

- Quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại theo các quy định hiện hành tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định về quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại có hiệu lực tại thời điểm giám sát.

5.3. Giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành thử nghiệm

- Giám sát nước thải:

+ Vị trí giám sát: 01 vị trí, tại hố ga sau hệ thống xử lý nước thải (Tọa độ: X = 1.529.611; Y = 599.500; hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3⁰).

+ Các chỉ tiêu giám sát: Lưu lượng, pH, BOD₅, TSS, TDS, Sunfua (tính theo H₂S), Amoni (tính theo N), Nitrat (NO₃⁻), Phosphat (PO₄³⁻), Tổng các chất hoạt động bề mặt, Dầu mỡ động thực vật, Tổng Coliforms.

+ Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT (cột B, K = 1).

+ Tần suất quan trắc: thực hiện giám sát theo Kế hoạch vận hành thử nghiệm được cơ quan quản lý nhà nước chấp thuận và theo quy định pháp luật hiện hành.

6. Các yêu cầu khác có liên quan đến môi trường

- Khoanh định ranh giới của Dự án và chỉ được triển khai thực hiện Dự án sau khi được cấp có thẩm quyền cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo đúng các quy định pháp luật hiện hành.

- Thiết lập hệ thống biển báo, cắm mốc giới các địa bàn thi công và thông tin cho chính quyền địa phương có liên quan biết trước khi tiến hành hoạt động thi công, xây dựng Dự án.

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp, đảm bảo không làm hư hỏng hệ thống đường giao thông khu vực và hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến cảnh quan, môi trường, hoạt động giao thông và các hoạt động kinh tế dân sinh khác trên khu vực thực hiện Dự án.

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung phát sinh bởi Dự án, đảm bảo môi trường xung quanh khu vực Dự án trong các giai đoạn của Dự án luôn đáp ứng tiêu chuẩn tại QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn hiện hành khác về bảo vệ môi trường.